TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/DS-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lem
2. Ông Phạm Công Luận

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D là ông Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang và ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông P có mặt. Ông T, ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn

Thanh D là ông Đỗ Hiệp P trình bày:

Ngày 27/6/2013, giữa ông Nguyễn Thanh D và ông Phạm Văn T có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm (heo, gà) bằng miệng, không có làm giấy tờ, dưới hình thức gối đầu. Hai bên thỏa thuận khi nào ông T bán heo, gà sẽ thanh toán tiền thức ăn cho ông D. Khi ông T mua thức ăn sẽ điện thoại báo cho ông D biết số lượng thức ăn cần mua và ông D chở thức ăn đến nhà giao cho ông T. Khi giao nhận thức ăn ông T ký nhận vào sổ mua bán thức ăn do ông D lập và giữ 01 sổ, ông T giữ 01 sổ để theo dõi, đối chiếu. Ngày 07/4/2015, ông D giao cho ông T chuyến thức ăn cuối với số lượng là 50 bao, thành tiền là 14.700.000 đồng, cộng với số tiền còn nợ trước đó là 181.182.000 đồng, tổng cộng là 195.882.000 đồng và ông T ký tên xác nhận số tiền còn nợ vào sổ. Sau đó, do dịch bệnh heo, gà chết nhiều, chăn nuôi thua lỗ nên ông D và ông T thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Ông D thỏa thuận tạo điều kiện cho ông T trả dần số tiền nợ nêu trên. Ngày 08/9/2015, ông T trả cho ông D được số tiền nợ là 90.000.000 đồng. Ngày 28/11/2015, ông T trả tiếp cho ông D số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi cấn trừ, ông T còn nợ lại ông D số tiền là 97.882.000 đồng. Ông D yêu cầu trả hết số tiền còn nợ, ông T hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông D. Nay ông D khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 97.882.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D đối với ông Phạm Văn T.

Buộc ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh D số tiền nợ là 97.882.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thanh D khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T, cư trú tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre trả tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Ông Nguyễn Thanh D yêu cầu ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ là 97.882.000 đồng. Theo đó, ông D cho rằng sau khi chốt tiền nợ thức ăn, ông T đã nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho ông D nên phát sinh tranh chấp. Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản chính sổ giao nhận thức ăn, bên ngoài sổ ghi "A T (T Đ)", bên trong sổ thể hiện nội dung ngày mua, số lượng, số tiền mua thức ăn và có chữ ký xác nhận "T". Trong suốt quá trình mua bán thức ăn, đến ngày 07/4/2015, ông D có bán cho ông T lần cuối với số lượng là 50 bao thức ăn SS882 với giá là 294.000 đồng/bao, thành tiền là 14.700.000 đồng, cộng với số tiền cũ còn nợ là 181.182.000 đồng, tổng cộng là 195.882.000 đồng. Ông T có ký tên xác nhận số tiền này vào sổ giao nhận thức ăn nên có căn cứ xác định ông T có nợ ông D số tiền nêu trên.

[2.2] Sổ giao nhận thức ăn còn thể hiện sau khi chốt nợ, ngày 08/9 không ghi năm "- 90.000.000" đồng còn nợ lại 105.882.000 đồng và ngày 28/11/2015 "gởi 8.000.000" đồng, còn nợ lại là 97.882.000 đồng. Mặc dù, số tiền còn nợ lại 97.882.000 đồng không được ông T ký xác nhận vào sổ giao nhận thức ăn nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông D thừa nhận ông T đã trả cho ông D được 02 lần với số tiền là 98.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền 97.882.000 đồng. Sự thừa nhận của ông D là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và có lợi cho ông T nên có sở xác định ông T còn nợ ông D số tiền 97.882.000 đồng. Mặc khác, Tòa

án đã gửi thông báo số 267/TB-TA ngày 19/6/2024 yêu cầu ông T giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T không có mua bán thức ăn chăn nuôi và không có nợ ông D số tiền 97.882.000 đồng trong thời hạn 10 ngày nhưng ông T không cung cấp thì xem như ông T đã trừ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình và thừa nhận có biết còn nợ ông D số tiền 97.882.000 đồng. Ông D đã nhiều lần yêu cầu ông T tiếp tục trả hết số tiền nợ còn lại nhưng ông T không trả đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi lích hợp pháp của ông D. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 97.882.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông D số tiền nợ là 97.882.000 đồng. Ghi nhận ông D không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định là 97.882.000 đồng x 5% = 4.894.100 đồng (làm tròn 4.894.000 đồng).

Hoàn tạm ứng án phí cho ông D.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D đối với bị đơn ông Phạm Văn T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh D số tiền nợ là 97.882.000đ (Chín mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Ghi nhận ông Nguyễn Thanh D không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T phải chịu số tiền 4.894.000đ (Bốn triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.447.000đ (Hai triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005125 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang